

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 10
(Năm học 2024 – 2025)

A. HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

Câu 1: Loại văn bản và thể loại văn bản đã được học trong học kì II. Nhan đề những văn bản cụ thể thuộc về các loại, thể loại đó.

STT	Loại / Thể loại	Nhan đề
1	Văn bản thông tin	Tác gia Nguyễn Trãi
2	Cáo	Bình Ngô đại cáo
3	Thơ Đường luật biến thể	Bảo kính cảnh giới, bài 43
4	Thơ ngũ ngôn bát cú	Dục Thúy sơn
5	...	

Câu 2 : Bài 6 (Nguyễn Trãi - “Dành còn để trợ dân này”) có những điểm đặc biệt so với các bài học khác:

Thông thường các bài học trong sách sẽ xoay quanh một nội dung, chủ điểm nhất định, các văn bản được học cũng được tuyển chọn từ nhiều tác giả khác nhau để giúp làm nổi bật tên chủ đề được nêu ra ở bài học. Tuy nhiên, Bài 6: *Nguyễn Trãi – “Dành còn để trợ dân này”* được phân bố riêng để học về một tác gia văn học Nguyễn Trãi, vì thế các văn bản được giới thiệu đều do Nguyễn Trãi sáng tác, nhằm làm nổi bật các nét đã được nêu về sự nghiệp, phong cách sáng tác của tác gia này.

Cũng nhờ việc dành riêng một bài học về một tác gia văn học, học sinh được tiếp xúc một cách cụ thể, chi tiết nhất về cuộc đời, sự nghiệp cũng như những sáng tác tiêu biểu của Nguyễn Trãi.

Câu 3 : Qua những văn bản được đọc ở bài 7, đã nhấn mạnh, bổ sung thêm những kiến thức về thể loại truyện:

Người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

- **Người kể chuyện ngôi thứ nhất** là người kể xưng “tôi” hoặc một hình thức tự xưng tương đương. Tùy theo mức độ tham gia vào mạch vận động cốt truyện, người kể chuyện ngôi thứ nhất có thể là nhân vật chính, nhân vật phụ, người chứng kiến, người kể lại câu chuyện được nghe từ người khác hay xuất hiện với vai trò tác giả “lộ diện”. Người kể chuyện ngôi thứ nhất thường là người kể chuyện hạn tri (không biết hết mọi chuyện).

- **Người kể chuyện ngôi thứ ba** là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật, không tham gia vào mạch vận động của cốt truyện và chỉ được nhận biết qua lời kể. Người kể chuyện ngôi thứ ba có khả năng nắm bắt tất cả những gì diễn ra trong câu chuyện, kể cả những biểu hiện sâu kín trong nội tâm nhân vật, do vậy có khả năng trở thành người kể chuyện toàn tri (biết hết mọi chuyện).

- Người kể chuyện, dù ở ngôi thứ nhất hay thứ ba, đều kể chuyện từ điểm nhìn nhất định, qua hệ thống lời kể. **Lời người kể chuyện** là lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, có chức năng khắc hoạ bối cảnh, thời gian, không gian, miêu tả sự việc, nhân vật, thể hiện cách nhìn nhận, thái độ đánh giá đối với sự việc, nhân vật. Lời của người kể chuyện phân biệt với **lời của nhân vật**, được hiểu là lời nói gắn với ý thức và cách thể hiện của nhân vật trong hình thức lời nói trực tiếp hay gián tiếp.

- Từ điểm nhìn và hệ thống lời người kể chuyện, lời nhân vật, các phương diện của bức tranh đời sống và nhân vật được hiển hiện để người đọc tri nhận. **Quyền năng của người kể chuyện** thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải và mức độ định hướng đọc trong việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc hoạ trong tác phẩm văn học.

Câu 4 :Thống kê các nội dung thực hành tiếng Việt trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập hai:

STT	Nội dung thực hành	Ý nghĩa của hoạt động thực hành
1	Thực hành từ Hán Việt	- Sử dụng từ Hán Việt: Tùy vào hoàn cảnh giao tiếp và kiểu loại văn bản, có những sắc thái biểu đạt khác nhau: + Tạo sắc thái trang trọng, nghiêm trang, biểu thị thái độ tôn kính, trân trọng, làm nổi bật ý nghĩa lớn lao của sự vật, sự việc. + Tạo sắc thái tao nhã, tránh thô tục, tránh gây phản cảm. + Tạo sắc thái cổ xưa, làm cho người đọc như được sống trong bầu không khí xã hội xa xưa.
2	Biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê	Dấu hiệu nhận biết, đánh giá được tác dụng, giá trị biểu đạt của biện pháp chêm xen, biện pháp liệt kê.
3	Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ	- Các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, sơ đồ, ... (nếu có) cần được sử dụng với mức độ vừa phải, cốt để làm nổi bật vấn đề muốn nói. - Việc sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như hình

		ảnh, biểu đồ, sơ đồ,... góp phần giúp cho người đọc dễ tiếp nhận và ghi nhớ thông tin.
4	Thực hành sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ	Nhận biết và đánh giá được tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản.

Câu 5 : Các kiểu bài viết đã thực hiện trong sách giáo khoa Ngữ Văn 10, tập hai và yêu cầu của từng kiểu bài:

STT	Kiểu bài viết	Yêu cầu của kiểu bài viết
1	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	- Giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận. - Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về vấn đề xã hội cần bàn luận. - Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí, sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ. - Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản. - Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.
2	Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện	- Giới thiệu được những thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm. - Nêu được nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm. - Nêu được nét riêng về chủ đề của tác phẩm. - Phân tích được mối quan hệ gắn kết giữa chủ đề và các nhân vật trong tác phẩm (chủ đề đã chi phối sự lựa chọn, miêu tả nhân vật như thế nào, nhân vật đã phát triển và khơi sâu chủ đề ra sao,...) - Đánh giá khái quát về thành công hay hạn chế của tác phẩm nhìn từ mối quan hệ giữa chủ đề và nhân vật. - Phát biểu được tác động của chủ đề tác phẩm, nhân vật trong tác phẩm đối với bản thân.

3	Viết một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng	- Văn bản phải có cấu trúc chặt chẽ, phù hợp với mẫu cấu trúc chung của văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng. - Nội dung văn bản thể hiện rõ những hành vi cần thực hiện, không được thực hiện trong không gian công cộng, phù hợp với yêu cầu, quy định của cơ quan, tổ chức ban hành, phù hợp với quy định của pháp luật. - Ngôn ngữ khách quan, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.
4	Viết bài luận về bản thân	- Xác định rõ luận đề của bài viết. - Thể hiện được cá tính, thiên hướng, lựa chọn, niềm tin, quan điểm riêng của bản thân. - Sử dụng bằng chứng là những sự kiện, kinh nghiệm mà người viết đã thực sự trải qua. - Có giọng điệu riêng, thể hiện cảm xúc chân thành của người viết, thuyết phục, truyền cảm hứng và gợi suy ngẫm cho bạn đọc.

Câu 6: Những nội dung nói và nghe được thực hiện với các bài học trong sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập hai:

- Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau
- Thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau
- Thảo luận về văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng
- Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ.

B CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

I. THỜI GIAN - CẤU TRÚC – CẤP ĐỘ – THANG ĐIỂM

*** Thời gian: 90 phút**

*** Cấu trúc: gồm 2 phần:**

- Phần 1: Đọc hiểu (4.0 điểm)

+ 05 câu = 4,0 điểm (02 câu nhận biết, 02 câu thông hiểu, 01 câu vận dụng)

+ Phạm vi: Văn bản ngoài sách giáo khoa (bám sát thể loại: văn bản thông tin và văn nghị luận)

- Phần 2: Viết (6.0 điểm) Viết bài văn nghị luận văn học

Kiểu bài: Viết bài nghị luận văn học phân tích, đánh giá một tác phẩm (đoạn trích) thơ, truyện.

II. ĐỀ VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM MINH HOẠ

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Nếu điều mà bạn mong ước làm là đúng đắn và bạn tin vào nó, hãy tiến lên và thực hiện nó. Hãy biến giấc mơ của bạn thành sự thật, đừng bận tâm xem “người đời” nói gì nếu bạn gặp thất bại tạm thời. Họ không hiểu rằng mỗi sự thất bại đều mang trong mình hạt giống của một thành công tương đương.

Marconi ước mơ về một hệ thống có thể truyền tải âm thanh từ nơi này sang nơi khác mà không cần dây dẫn. Bạn sẽ thấy thú vị khi biết rằng “những người bạn” của Marconi đã tống ông vào một bệnh viện tâm thần khi ông thông báo với họ rằng đã khám phá ra nguyên lý để truyền những thông điệp qua không gian. Ngày nay, chúng ta đã nhận thấy rõ rằng Marconi không mơ mộng hão huyền chút nào. Bằng chứng có thể được tìm thấy trong mỗi chiếc radio, tivi, điện thoại di động, vệ tinh viễn thông hay bất kỳ một thiết bị vô tuyến quen thuộc nào khác.

May mắn là những người biết ước mơ ngày nay đã có nhiều điều kiện thuận lợi hơn so với ngày xưa. Thế giới ngày nay ẩn chứa vô số cơ hội mà những người “mơ mộng” trong quá khứ chưa từng biết tới.

(...) Hầu hết những người thành đạt đều đi lên từ bước khởi đầu hết sức khó khăn, trải qua rất nhiều những trở ngại tưởng như không thể vượt qua trước khi “đến đích”. Bước ngoặt trong cuộc đời những người thành đạt thường chính là giai đoạn khủng hoảng như thế, đó là thời điểm mà qua đó họ “lột xác” và nhìn nhận ra một cái tôi” khác trong con người mình.

(Trích Nghĩ giàu làm giàu, Napoleon Hill, NXB Thế giới, 2015, tr. 68 - 69)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Cho biết phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 2. Xác định luận điểm chính trong đoạn văn bản trên.

Câu 3. Câu khẳng định *Hãy biến giấc mơ của bạn thành sự thật* và câu phủ định *đừng bận tâm xem “người đời” nói gì nếu bạn gặp thất bại tạm thời* có ý nghĩa gì?

Câu 4. Anh/Chị hiểu như thế nào về câu *“mỗi sự thất bại đều mang trong mình hạt giống của một thành công tương đương”*?

Câu 5. Từ văn bản trên, anh/chị rút ra bài học gì trong việc lựa chọn lối sống đúng đắn cho mình? (Viết khoảng 5-7 câu văn)

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

Mấy phen lần bước dặm thanh vân⁽¹⁾,
Đeo lợi làm chi luống⁽²⁾ nhọc thân.
Nhớ chúa lòng còn đơn một tác⁽³⁾,
Âu thì tóc đã bạc mười phân.
Trì thanh cá lợi in vùng nguyệt,
Cây tĩnh chim về rợp bóng xuân.
Dầu phải dầu chăng mặc thế,
Đắp tai⁽⁴⁾ biếng mắng⁽⁵⁾ sự vân vân⁽⁶⁾.

(Bảo kính cảnh giới, bài 38, Nguyễn Trãi, *thivien.net*)

Chú thích:

(1) *dặm thanh vân*: con đường công danh

(2) *luống*: những là

(3) *đơn một tác*: một tác lòng son

(4) *đắp tai*: che tai, bịt tai

(5) *biếng mắng*: lười nghe

(6) *sự vân vân*: việc này việc khác

Viết bài văn (khoảng 600 chữ) nêu cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi qua bài thơ trên.

----- Hết -----

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

Câu	Nội dung	Điểm
PHẦN I: ĐỌC HIỂU		4,0
1	- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. - Trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời sai/không trả lời: 0 điểm	0,5
2	Luận điểm chính: <i>Hãy biến giấc mơ của bạn thành sự thật, đừng bạn tâm xem “người đời” nói gì nếu bạn gặp thất bại tạm thời.</i> - Trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời sai/không trả lời: 0 điểm	0,5
3	Câu khẳng định <i>Hãy biến giấc mơ của bạn thành sự thật</i> và câu phủ định <i>đừng bạn tâm xem “người đời” nói gì nếu bạn gặp thất bại tạm thời</i> có ý nghĩa: - Tăng hiệu quả diễn đạt - Truyền tải mạnh mẽ thông điệp về sự kiên trì và quyết tâm theo đuổi mục tiêu. Hướng dẫn chấm: - Trả lời được đầy đủ như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1/2 ý: 0,5 điểm - Trả lời sai/không trả lời: 0 điểm	1,0
4	- Những sai lầm hay khó khăn gặp phải trong quá trình này giúp chúng ta nhận ra những điểm yếu, những điều cần cải thiện, từ đó có thể thay đổi chiến lược, điều chỉnh cách tiếp cận và thậm chí tìm ra những hướng đi mới dẫn đến thành công. - Câu nói này cũng truyền tải tinh thần lạc quan, khuyến khích chúng ta nhìn nhận thất bại một cách tích cực, coi đó là cơ hội để học hỏi và rèn luyện sự kiên trì. Hướng dẫn chấm: - Trả lời được đầy đủ như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 2 ý nhưng chưa đầy đủ: 0,75 điểm - Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời được 1/2 mỗi ý: 0,25 điểm	1,0
5	- HS rút ra bài học cho bản thân. - Lí giải rõ, thuyết phục vì sao lại chọn bài học này. - Viết đoạn văn khoảng 5 – 7 câu văn. Gợi ý: Sống phải có ước mơ, lý tưởng, mục đích và quyết tâm vượt mọi khó khăn, trở ngại để đạt được mục tiêu đặt ra... Hướng dẫn chấm: - Trả lời được đầy đủ như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 2 ý nhưng chưa đầy đủ: 0,75 điểm - Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời được 1/2 mỗi ý: 0,25 điểm	1,0
PHẦN II: LÀM VĂN		6,0
	Viết bài văn (khoảng 600 chữ) nêu cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi qua bài thơ trên.	

1. Xác định đúng yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học		0,5
2. Xác định đúng vấn đề nghị luận: vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi qua bài thơ trên.		0,5
3. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết		4,0
- Xác định được các ý chính của bài viết.		
- Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận:		
* Mở bài:		
Giới thiệu về tác giả, bài thơ và vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi: quan điểm về danh lợi và tình yêu thiên nhiên.		0,5
* Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận		
- Hai câu đề đã thể hiện thái độ mệt mỏi, chán nản của Nguyễn Trãi trước con đường danh lợi sau những năm tháng bôn ba chốn quan trường. Một cảm giác nặng nhọc, ép buộc đeo bám -> coi thường danh lợi: <i>Đeo lợi làm chi luống nhọc thân</i> .		0,5
- Hai câu thực đã thể hiện được tấm lòng trung quân của Nguyễn Trãi. (trung quân là biểu hiện của lòng yêu nước). Lòng trung thành của ông không chỉ thể hiện qua nỗi nhớ mà còn thể hiện qua cả vẻ bề ngoài. Nỗi nhớ quá sâu sắc khiến tóc cũng như bạc đi mười phân.		0,5
- Hai câu luận: cảnh đẹp thiên nhiên tươi tắn, hài hòa qua phép đối, sinh động, trong trẻo đầy sức sống -> phong cách sống ung dung, tự do tự tại xuất phát từ tình yêu thiên nhiên và tình yêu cuộc sống.		1,0
- Hai câu kết: Nguyễn Trãi đã thể hiện quan niệm sống lạc quan, mặc sự thế của bậc ẩn sĩ. Từ “ <i>dầu</i> ” được lặp lại hai lần trong cùng một câu đã nhấn mạnh quan niệm mặc kệ nhân thế, mặc kệ chuyện đời. Có thể thấy đây là một quan niệm sống rất tích cực và lạc quan, không màng sự đời để luôn được thanh thản, an yên, vui vẻ.		1,0
- Sự sáng tạo trong thể thơ, phép đối, các từ ngữ, hình ảnh đã góp phần diễn tả vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi.		
* Kết bài:		0,5
Khẳng định giá trị, ý nghĩa và vẻ đẹp con người Nguyễn Trãi qua bài thơ.		
Hướng dẫn chấm:		
- <i>Viết đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm – 2,75 điểm.</i>		
- <i>Viết đầy đủ nhưng có ý còn chưa rõ, chưa sâu: 1,0 điểm - 1,5 điểm.</i>		
- <i>Viết chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm - 0,75 điểm.</i>		
d. Chính tả, ngữ pháp		0,5
Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.		
Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.		
e. Sáng tạo		0,5
Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.		
Hướng dẫn chấm:		
- <i>Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,5 điểm.</i>		
- <i>Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</i>		
Tổng điểm		10,0

